

Số: /TB-TTPTQĐ

Tân Uyên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định 1301/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ở đô thị tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ các Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Tân Uyên về phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại các khu: Khu chợ trung tâm thị trấn Tân Uyên (Tổ 15, thị trấn Tân Uyên); Khu trung tâm hành chính huyện (Tổ 26, thị trấn Tân Uyên), huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; số 1414/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại Tổ dân phố 17, 21, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ các Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND huyện Tân Uyên về việc Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại các khu: Khu chợ trung tâm thị trấn Tân Uyên (Tổ 15, thị trấn Tân Uyên); Khu trung tâm hành chính huyện (Tổ 26, thị trấn Tân Uyên), huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; số 1425/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tân Uyên về việc Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại các Tổ dân phố 17, 21, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá**

Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ: Tổ dân phố 26, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0833.391.965

Đại diện: Ông **Phạm Ngọc Đoàn** - Chức vụ: **Giám đốc.**

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá**

- Quyền sử dụng đất ở tại đô thị tại các Tổ dân phố: 15, 17, 21, 26, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Số lượng tài sản đấu giá: Gồm 55 thửa đất; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

- Chất lượng của tài sản đấu giá: Các thửa đất đã được san nền và xây dựng cơ sở hạ tầng, đủ điều kiện tổ chức đấu giá.

### 3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá

Tài sản đấu giá là các thửa đất có giá khởi điểm như sau:

STT	Số thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khu chợ trung tâm thị trấn Tân Uyên (Tổ dân phố 15, thị trấn Tân Uyên)</b>				
<b>Đường Võ Nguyên Giáp từ phố Trần Quốc Mạnh đến đường Lê Lợi Km 382+590</b>					
1	60	80	31.500.000	2.520.000.000	Vị trí 1 mặt tiền
2	61	80	31.500.000	2.520.000.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng cộng</b>		<b>160,0</b>		<b>5.040.000.000</b>	
<b>II</b>	<b>Tổ dân phố 26, thị trấn Tân Uyên (Khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên)</b>				
<b>Phố Nguyễn Tuân: từ phố Chu Văn An đến phố Hồ Xuân Hương (trụ sở Chi cục thuế huyện)</b>					
1	62	157,2	3.033.600	476.882.000	Vị trí hai mặt tiền
2	68	153,3	2.654.400	406.920.000	Vị trí 1 mặt tiền
3	87	126,5	2.654.400	335.782.000	Vị trí 1 mặt tiền
4	88	158,2	2.528.000	399.930.000	Vị trí 1 mặt tiền
5	89	145,8	2.528.000	368.582.000	Vị trí 1 mặt tiền
6	90	132,3	2.528.000	334.454.000	Vị trí 1 mặt tiền
7	91	114,8	2.528.000	290.214.000	Vị trí 1 mặt tiền
8	23	134,0	2.528.000	338.752.000	Vị trí 1 mặt tiền
9	32	119,0	2.528.000	300.832.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>1.241,1</b>		<b>3.252.348.000</b>	

<b>Phố Xuân Diệu: từ phố Nguyễn Tuân (trụ sở Kho bạc nhà nước huyện đến phố Chu Văn An trường THPT nội trú)</b>					
10	91	197,5	2.528.000	499.280.000	Vị trí 1 mặt tiền
11	92	189,1	2.528.000	478.045.000	Vị trí 1 mặt tiền
12	93	181,7	2.528.000	459.338.000	Vị trí 1 mặt tiền
13	94	179,8	2.528.000	454.534.000	Vị trí 1 mặt tiền
14	95	167,6	2.528.000	423.693.000	Vị trí 1 mặt tiền
15	96	256,1	3.033.600	776.905.000	Vị trí hai mặt tiền
16	95	145,0	3.033.600	439.872.000	Vị trí hai mặt tiền
17	96	131,2	2.528.000	331.674.000	Vị trí 1 mặt tiền
18	98	207,8	2.528.000	525.318.000	Vị trí 1 mặt tiền
19	99	180,9	3.033.600	548.778.000	Vị trí hai mặt tiền
20	21	237,7	3.033.600	721.087.000	Vị trí hai mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>2.074,4</b>		<b>5.658.524.000</b>	
<b>Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện</b>					
21	22	160,0	2.528.000	404.480.000	Vị trí 1 mặt tiền
22	35	152,2	2.528.000	384.762.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>312,2</b>		<b>789.242.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.627,7</b>		<b>9.700.114.000</b>	
<b>III</b>	<b>Tổ dân phố số 17, thị trấn Tân Uyên</b>				
<b>Đường Võ Nguyên Giáp Vị trí 1: Đường Lê Lợi (đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố 15) đến điểm giao nhau với đường xung quanh chợ)</b>					
1	481	119	7.038.000	837.522.000	Vị trí hai mặt tiền
2	493	119	7.038.000	837.522.000	Vị trí hai mặt tiền
3	494	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
4	495	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
5	496	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
6	497	181,9	7.038.000	1.280.212.000	Vị trí hai mặt tiền
7	498	175,8	5.865.000	1.031.067.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>952,7</b>		<b>6.080.128.000</b>	

<b>Đường Võ Nguyên Giáp Vị trí 2: Đường Lê Lợi (đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố 15) đến điểm giao nhau với đường xung quanh chợ)</b>					
8	499	155,8	2.808.000	437.486.000	Vị trí 1 mặt tiền
9	500	162	2.808.000	454.896.000	Vị trí 1 mặt tiền
10	501	168	2.808.000	471.744.000	Vị trí 1 mặt tiền
11	489	113,9	2.808.000	319.831.000	Vị trí 1 mặt tiền
12	490	119	2.808.000	334.152.000	Vị trí 1 mặt tiền
13	491	119	2.808.000	334.152.000	Vị trí 1 mặt tiền
14	492	164,4	2.808.000	461.635.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>1002,1</b>		<b>2.813.896.000</b>	
<b>Đường nhánh nội thị còn lại (đoạn tiếp giáp đường nội thị đến cuối đường)</b>					
15	482	138,6	2.800.000	388.080.000	Vị trí 1 mặt tiền
16	485	119	2.800.000	333.200.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>257,6</b>		<b>721.280.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.212,4</b>		<b>9.615.304.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Tổ dân phố số 21, thị trấn Tân Uyên</b>				
<b>Phố Võ Thị Sáu: Từ đường Lê Lợi km 381+970 đến đường Võ Nguyên Giáp</b>					
1	538	105	6.630.000	696.150.000	Vị trí 1 mặt tiền
2	539	105	6.630.000	696.150.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>210</b>		<b>1.392.300.000</b>	
<b>Đường Võ Nguyên Giáp: Từ đường Lê Lợi (đầu cầu Suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố số 15) đến điểm giao nhau với đường xung quanh chợ</b>					
3	182	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
4	187	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
5	188	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
6	189	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
7	190	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
8	191	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
9	192	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
10	193	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền

11	194	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
12	195	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
13	196	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
14	197	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
15	201	119	5.865.000	697.935.000	Vị trí 1 mặt tiền
<b>Tổng</b>		<b>1.547,0</b>		<b>9.073.155.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.757,0</b>		<b>10.465.455.000</b>	
<b>Tổng cộng: I+II+III+IV</b>		<b>7.757,1</b>		<b>34.820.873.000</b>	

Tài sản đấu giá là các thửa đất có giá khởi điểm như sau:

#### 4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

##### 4.1. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức tham gia đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp, cụ thể theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản như sau:

#### BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>
<b>1</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>11,0</b>
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
<b>2</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>8,0</b>
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
<b>3</b>	<b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>	<b>2,0</b>

4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1,0
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>22,0</b>
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>
1	<i>Từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện)</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra</i>	18,0

	<b>đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện)</b>	
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b>	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b>	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</b>	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	<b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề (Từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021), trừ thuế giá trị gia tăng</b>	5,0

6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
<b>7</b>	<b><i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i></b>	<b>3,0</b>
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
<b>8</b>	<b><i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i></b>	<b>1,0</b>
<b>IV</b>	<b><i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</i></b>	<b>5,0</b>
<b>1</b>	<b><i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i></b>	<b>3,0</b>
<b>2</b>	<b><i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i></b>	<b>4,0</b>
<b>3</b>	<b><i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i></b>	<b>5,0</b>
<b>V</b>	<b><i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i></b>	<b>5,0</b>
	<b><i>Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở gần nhất</i></b>	<b>5,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
<b>VI</b>	<b><i>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i></b>	
<b>1</b>	<b><i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i></b>	<b><i>Đủ điều kiện</i></b>
<b>2</b>	<b><i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i></b>	<b><i>Không đủ điều kiện</i></b>

#### **4.2. Nguyên tắc đánh giá, chấm điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**



Nguyên tắc đánh giá, chấm điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì ưu tiên lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản có tổng số điểm cao hơn của mục 2, phần III, tại bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm nêu trên.

## **5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản**

5.1. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký: Bắt đầu từ ngày phát hành Thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản đến trước 17h ngày 05/10/2022 (*nộp trong giờ hành chính*).

5.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ: Tổ dân phố 26, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 02133. 787. 838

## **6. Các nội dung khác**

Thực hiện theo Quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và các văn bản liên quan.

Thông báo này được đăng công khai tại Trang thông tin điện tử huyện Tân Uyên (<https://tanuyen.laichau.gov.vn/>) và Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn/>).

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu thông báo đề các đơn vị biết và đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản./.

Trân trọng!

### **Nơi nhận:**

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử huyện Tân Uyên;
- Lãnh đạo UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT.

**TRUNG TÂM PT QUỸ ĐẤT  
GIÁM ĐỐC**

**Phạm Ngọc Đoàn**

